

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN

Bản án số:07 /2024/HS-ST
Ngày: 28-02-2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Trần Thị Lan

Ông: Nông Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS, ngày 19 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Ngọc T, sinh ngày 05/02/1996; tại: Xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Hà Thị N; vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01(Tại Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Na Rì xử phạt Hoàng Ngọc T 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo đã nộp xong án phí HSST). Tiền sự: 01 (Ngày 16/6/2023 bị Công an xã S, huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo

Quyết định số 06 ngày 16/6/2023); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà [Đỗ Thị X](#), Trợ giúp viên pháp lý, [Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B](#) (có mặt).

- Bị hại: Ông [Triệu Tiến T2](#), sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: [thôn K, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh [Hoàng Thế Đ](#), sinh năm 1993(vắng mặt)

Trú tại: [thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#).

+ Bà [Hà Thị N](#), sinh năm 1969 (có mặt)

+ Ông [Hoàng Văn T1](#), sinh năm 1967(vắng mặt)

Đều trú tại: [thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút đến 18 giờ ngày 19/10/2023 [Hoàng Ngọc T](#), sinh năm 1996, trú tại thôn Bản Diều, [xã S, huyện N](#) một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, không có biển số, đi từ nhà đến khu vực đường bê tông liên [thôn K, thị trấn Y, huyện N](#) đi [thôn B, xã V, huyện N](#). Khi đi tới khu vực này [T](#) dừng xe mô tô để ở lề đường bê tông rồi đi bộ vào vườn quế của ông [Triệu Tiến T2](#), sinh năm 1972, tại [thôn K, thị trấn Y, huyện N](#). Lợi dụng trời tối và không có người trông coi vườn, [T](#) lấy ra một con dao, loại dao tông màu đen dài khoảng 35cm đã chuẩn bị sẵn từ nhà, mục đích để bóc lấy vỏ quế. Tiếp đó [T](#) dùng dao bằng tay phải để khoanh, bóc trộm lấy vỏ của 08 (tám) cây quế được trồng dọc theo đường đất lâm nghiệp bên trong vườn và cách đường bê tông liên [thôn K](#) – Bản Sảng 48,9m. Sau khi bóc lấy vỏ của 08 (tám) cây quế xong [T](#) xếp lại thành bó rồi đem ra xe mô tô. Sau đó [T](#) chở toàn bộ số vỏ quế vừa bóc trộm được đến quán của anh [Hoàng Thế Đ](#), sinh năm 1993, trú tại [thôn P, xã K, huyện N](#) để bán. Số vỏ quế lấy từ 08 (tám) cây quế sau khi cân xác định trọng lượng là 11,5kg (mười một phẩy năm kilogam), [T](#) bán cho anh [Đ](#) với số tiền là 230.000 (hai trăm ba mươi nghìn đồng). Số tiền có được do bán tài sản trộm cắp, [T](#) đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 20/10/2023 ông [Triệu Tiến T2](#) đã trình báo sự việc với [Công an huyện N](#) và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng ĐGTSTTTTHS [huyện N](#) kết luận: 11,5 kg vỏ cây quế (còn tươi) tại thời điểm định giá có giá trị là 210.450 đồng (hai trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Quá trình điều tra, truy tố, [Hoàng Ngọc T](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại ông [Triệu Tiến T2](#) phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản là 210.450 đồng (hai trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Tuy tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó [Hoàng Ngọc T](#) đã bị Tòa án nhân dân huyện Na Rì tuyên phạt 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/02/2023. Tại thời điểm ngày 19/10/2023 khi chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng và các đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, con dao đã qua sử dụng. Con dao dài 38,5cm, phần chuôi dao dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26,5cm, bản dao chỗ rộng nhất 5,7cm (đã được niêm phong theo quy định).

- 01 (một) chiếc cưa cầm tay bằng kim loại màu đen, chiếc cưa đã qua sử dụng. Cưa dài 52cm, phần tay cầm bằng kim loại có ốp nhựa màu đen dài 19cm, phần lưỡi cưa dài 33cm (đã được niêm phong theo quy định).

- 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Fanlim đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát, số khung VTTDCG053TT007016, số máy JL1P50FMG007016, loại xe nữ, màu sơn nâu, dung tích xi lanh 97cm³

- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0097755 mang tên [Phạm Minh H.](#)

Vật chứng đã được xử lý: Đối với 11,5kg vỏ quế mà [Hoàng Ngọc T](#) đã trộm cắp và bán cho anh [Hoàng Thế Đ](#), xác định là loại vật chứng mau hỏng, khó bảo quản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là ông [Triệu Tiến T2](#). Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu 04 mẫu vỏ cây quế trong số vỏ quế bị cáo trộm cắp và thu thêm 08 mẫu trên thân của 08 cây quế mà bị cáo bóc vỏ tại hiện trường để làm mẫu đối chứng lưu cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại ông [Triệu Tiến T2](#) đã được nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh [Hoàng Thế Đ](#) yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSNR ngày 19/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Ý kiến của người bào chữa của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản được áp dụng. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tác động mẹ bị cáo trả cho anh [Đ](#) số tiền là 230.000,đ để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt không lớn. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

- Bị hại ông [Triệu Tiến T2](#) vắng mặt tại phiên tòa trong đơn xin xét xử vắng mặt nêu ý kiến: Tài sản bị trộm cắp là vô giá đã nhận lại được nên không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo; về hình phạt đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh [Hoàng Thế Đ](#) có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn nêu ý kiến: Trước khi xét xử đã được mẹ bị cáo trả số tiền 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) nên không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Hà Thị N](#) nêu ý kiến đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Fanlim đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0097755 mang tên [Phạm Minh H](#) là tài sản chung của bà [N](#) và ông [T1](#), bị cáo mang xe sử dụng vào việc phạm tội tuy nhiên bà không biết do đó bà có ý kiến xin được nhận lại chiếc xe và giấy đăng ký xe. Đối với số tiền 230.000,đ do bị cáo tác động để bà [N](#) đi trả cho anh [Đ](#), bà [N](#) không có yêu cầu gì về số tiền trên đối với bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Hoàng Văn T1](#) có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn nêu ý kiến đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Fanlim đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0097755 mang tên [Phạm Minh H](#) là tài sản chung của bà [N](#) và ông [T1](#), bị cáo mang xe sử dụng vào việc phạm tội tuy nhiên ông không biết do đó có ý kiến xin được nhận lại chiếc xe và giấy đăng ký xe.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h,b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 2 điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự tổng hợp với án số 03/2023/HSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 22 đến 25 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2023.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh xác định bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông [Triều Văn T3](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

+ Anh [Hoàng Thế Đ](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

+ Bà [Hoàng Thị N1](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với số tiền 230.000,đ đã bỏ ra trả cho anh [Đ](#) nên không xem xét

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS, cụ thể:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, con dao đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc cưa cầm tay bằng kim loại màu đen.

Trả lại cho bà [Hà Thị N](#) và ông [Hoàng Văn T1](#): 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Fanlim đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát, số khung VTTDCG053TT007016, số máy VTTJL1P50FMG007016, loại xe nữ, màu sơn nâu, dung tích xi lanh 97cm³; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0097755 mang tên [Phạm Minh H](#).

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [huyện N](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại ông [Triều Tiên T2](#) vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh [Hoàng Thế Đ](#), ông [Hoàng Văn T1](#) vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ và trong đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Căn cứ Điều 292 /BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút đến 18 giờ ngày 19/10/2023, tại [thôn K, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#). [Hoàng Ngọc T](#) đã có hành vi trộm cắp 11,5kg vỏ cây quế có trị giá 210.450 đồng (hai trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi đồng) của ông [Triều Tiên T2](#), sau đó đã tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản là 210.450 đồng (hai trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Tuy tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Na Rì tuyên phạt 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/02/2023. Tại thời điểm ngày 19/10/2023 khi chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173/BLHS. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

- Về tiền án, tiền sự: Tiền sự: 01 (Ngày 16/6/2023 bị [Công an xã S, huyện N](#) ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 06 ngày 16/6/2023).

Tiền án: 01 (Tại Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Na Rì xử phạt [Hoàng Ngọc T](#) 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo đã nộp xong án phí HSST).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" về hành vi phạm tội của mình; quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tác động mẹ bị cáo trả cho anh [Đ](#) số tiền là 230.000,đ để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt không lớn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Na Rì buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của cả hai bản án là 22 đến 25 tháng tù. HĐXX xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Đánh giá quan điểm của người bào chữa: Quan điểm của người bào chữa về việc bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù là thấp, chưa thực sự phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

gây ra. HĐXX thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt cao hơn so với đề nghị của người bào chữa.

[6] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Mặc dù bị cáo tuổi còn trẻ nhưng do ham chơi, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, lười lao động, muốn hưởng lợi trên thành quả của người khác, trước đó bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo có 01 tiền sự (Ngày 16/6/2023 bị [Công an xã S, huyện N](#) ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 06 ngày 16/6/2023). Vì vậy, HĐXX xét thấy cần có một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng hình phạt tù buộc bị cáo đi cải tạo tập trung một thời gian có như vậy mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài ra, tại bản án số 03/2023/HSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt bị cáo [T](#) 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về “Tội trộm cắp tài sản”, bản án đã có hiệu lực pháp luật, hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt của bản án này và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo [T](#)

[7] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông [Triệu Tiến T2](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Anh [Hoàng Thế Đ](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét

Bà [Hà Thi N](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền đã đứng ra để trả cho anh [Đ](#) nên HĐXX không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với:

- 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, con dao đã qua sử dụng. Con dao dài 38,5cm, phần chuôi dao dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26,5cm, bản dao chỗ rộng

nhất 5,7cm. Là tài sản của bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với:

- 01 (một) chiếc cưa cầm tay bằng kim loại màu đen, chiếc cưa đã qua sử dụng. Cưa dài 52cm, phần tay cầm bằng kim loại có ốp nhựa màu đen dài 19cm, phần lưỡi cưa dài 33cm.

Là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không yêu cầu lấy lại xét thấy chiếc cưa không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Fanlim đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát, số khung VTTDCG053TT007016, số máy JL1P50FMG007016, loại xe nữ, màu sơn nâu, dung tích xi lanh 97cm³.

- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0097755 mang tên [Phạm Minh H.](#)

Là tài sản chung của ông [Hoàng Văn T1](#) và bà [Hà Thị N](#), bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội ông [T1](#) và bà [N](#) không biết và bà [N](#), ông [T1](#) có yêu cầu được trả lại xe và giấy tờ. Nên HĐXX xét thấy cần trả lại xe và giấy đăng ký xe cho bà [Hà Thị N](#) và ông [Hoàng Văn T1](#).

[10] Về các vấn đề khác: Đối với anh [Hoàng Thế Đ](#) là người đã mua lại tài sản trộm cắp của [Hoàng Ngọc T](#) nhưng anh [Đ](#) không biết đó là những tài sản do [T](#) trộm cắp đem đi bán nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh [Đ](#) là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí nên HĐXX xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 /BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) 12 (mười hai) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về "Tội trộm cắp tài sản" tại bản án số 03/2023/HSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Bị cáo [Hoàng Ngọc T](#) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 22(hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, con dao đã qua sử dụng. Con dao dài 38,5cm, phần chuôi dao dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26,5cm, bản dao chỗ rộng nhất 5,7cm.

- 01 (một) chiếc cưa cầm tay bằng kim loại màu đen, chiếc cưa đã qua sử dụng. Cưa dài 52cm, phần tay cầm bằng kim loại có ốp nhựa màu đen dài 19cm, phần lưỡi cưa dài 33cm.

Trả lại cho bà [Hà Thị N](#) và ông [Hoàng Văn T1](#):

- 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Fanlim đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát, số khung VTTDCG053TT007016, số máy JL1P50FMG007016, loại xe nữ, màu sơn nâu, dung tích xi lanh 97cm³

- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0097755 mang tên [Phạm Minh H](#).

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23./01/2024 giữa [Công an huyện N](#), tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Hà Thị N](#) có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông [Triệu Tiến T2](#) có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh [Hoàng Thế Đ](#), ông [Hoàng Văn T1](#) có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Na Rì (2);
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người bào chữa;
- Người có QL, NVLQ; (3)
- Chi cục THADS huyện Na Rì; (1)
- Công an huyện Na Rì; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Luân

k